

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2026/TLST-HNGĐ ngày 27-03-2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Y T**; sinh năm 2000; địa chỉ: **Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.**

- **Bị đơn:** Anh **A H**; sinh năm 1988; địa chỉ: **Thôn R, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144, khoản 3, 4, 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7, 9 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **A H** và chị **Y T**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **A H** và chị **Y T** thoả thuận thuận tình ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Giao 03 con chung: **A T1**, sinh ngày 01/03/2018; **Y H1**, sinh ngày 01/04/2021; **A H2**, sinh ngày 16/12/2022 cho chị **Y T** trực tiếp trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh **A H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **A H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Chị **Y T** là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin được miễn nộp án phí. Xét, miễn án phí đối với phần mà chị **Y T** phải chịu là 75.000 đồng. Chị **Y T** phải nộp số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị nhận nộp thay cho anh **A H** là 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng, để nộp Ngân sách nhà nước.

Chị **Y T** thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí Tòa án nên số tiền tạm ứng án phí không đề cập đến.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11-Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THA dân sự khu vực 11-Quảng Ngãi;
- UBND xã Ngọc Linh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Thị Phụng